

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chí nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

Căn cứ Luật phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị định số 65/2008/NĐ-CP ngày 20/5/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 12/5/2009 của Chính phủ;

Thanh tra Chính phủ quy định tiêu chí nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng như sau:

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nguyên tắc, tiêu chí nhận định tình hình tham nhũng, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng trên phạm vi quốc gia và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trong việc nhận định tình hình tham nhũng, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng trên phạm vi quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.

Điều 3. Nguyên tắc nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

1. Đảm bảo tính khách quan, trung thực và công khai trong việc nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

3. Kết quả nhận định, đánh giá của các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan truyền thông trong nước, các tổ chức quốc tế về tình hình tham nhũng và công tác phòng, chống tham nhũng của Việt Nam; sự ổn định và phát triển về kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước là những căn cứ quan trọng để tham chiếu, phục vụ cho việc nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.

Chương 2

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH THAM NHŨNG

Điều 4. Đo lường, dự báo tình hình tham nhũng

Tình hình tham nhũng được đo lường, dự báo dựa trên quy mô và tính chất tham nhũng.

1. Quy mô tham nhũng được phản ánh thông qua các yếu tố sau:

- a) Mức độ phổ biến của các nhóm hành vi tham nhũng trên các lĩnh vực quản lý nhà nước;
- b) Mức độ thiệt hại do các hành vi tham nhũng gây ra đối với Nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

2. Tính chất tham nhũng được phản ánh thông qua các yếu tố sau:

- a) Mức độ nghiêm trọng của các hành vi tham nhũng;
- b) Cấu trúc của tham nhũng theo các nhóm hành vi tham nhũng
- c) Tính có tổ chức trong việc thực hiện các hành vi tham nhũng;
- d) Tính liên kết giữa hành vi tham nhũng với các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 5. Tiêu chí nhận định tình hình tham nhũng

1. Tiêu chí đo lường qui mô tham nhũng:

- a) Nhận thức của công chúng về mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng.
- b) Nhận thức của cán bộ, công chức về những thiệt hại do tham nhũng gây ra đối với ngân sách nhà nước.
- c) Chi phí không chính thức của doanh nghiệp trong giao dịch với cơ quan nhà nước.
- d) Chi phí không chính thức của người dân trong giao dịch với cơ quan nhà nước.

2. Tiêu chí đo lường tính chất tham nhũng

- a) Tỷ lệ tương quan giữa các loại tội phạm tham nhũng

b) Tỷ lệ tội phạm tham nhũng nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

c) Tỷ lệ vụ án tham nhũng được khởi tố, truy tố và đưa ra xét xử.

d) Tỷ lệ tương quan giữa số tội phạm tham nhũng với số vụ án tham nhũng.

đ) Tỷ lệ các vụ án tham nhũng có yếu tố nước ngoài.

e) Tỷ lệ các vụ án tham nhũng có liên quan các tội phạm khác.

Điều 6. Phương pháp nhận định tình hình tham nhũng

1. Thu thập thông tin cơ sở theo các tiêu chí nhận định về tình hình tham nhũng.

2. Xác định công thức tính chỉ số tổng hợp đo lường thực trạng tham nhũng dựa trên so sánh tương quan giữa các năm và trọng số của từng tiêu chí thành phần.

3. Thu thập thông tin, dữ liệu tại năm tiến hành nhận định nhằm xác định chỉ số tổng hợp đo lường thực trạng tham nhũng của năm. Chỉ số tổng hợp là công cụ chính để đưa ra nhận định về tình hình tham nhũng.

4. Phương pháp đo lường chỉ số về thực trạng tham nhũng và ví dụ cụ thể nêu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin phục vụ việc nhận định tình hình tham nhũng trên phạm vi quốc gia

1. Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan tiến hành thu thập thông tin, dữ liệu để phục vụ cho việc nhận định về tình hình tham nhũng hàng năm.

2. Thanh tra Chính phủ chủ trì phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền phân tích thông tin, dữ liệu để đề xuất với Chính phủ nội dung nhận định về tình hình tham nhũng hàng năm và công bố công khai nhận định của Chính phủ về tình hình tham nhũng hàng năm.

Chương 3

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Điều 8. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

Công tác phòng chống tham nhũng được đánh giá dựa trên các nỗ lực phòng, chống tham nhũng, kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng, tác động của công tác phòng, chống tham nhũng đối với niềm tin của nhân dân và tình hình tham nhũng.

Điều 9. Tiêu chí đánh giá các nỗ lực phòng, chống tham nhũng

1. Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

a) Các văn bản dưới luật được ban hành đúng theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng.

b) Các văn bản được ban hành, sửa đổi, bổ sung theo đúng Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

c) Các hành vi tham nhũng được hình sự hóa, các biện pháp phòng, chống tham nhũng được quy định theo đúng yêu cầu của việc thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

2. Tiêu chí về mức độ đáp ứng của bộ máy chỉ đạo và các cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng:

a) Các cơ quan, đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng được thành lập theo quy định của pháp luật.

b) Cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ trong các cơ quan, đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng được bố trí theo kế hoạch biên chế, đáp ứng yêu cầu về cơ cấu chức danh, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Cán bộ trong các cơ quan, đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng được đào tạo, bồi dưỡng về các kỹ năng cần thiết về phòng, chống tham nhũng theo kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Tiêu chí về mức độ tham gia của xã hội trong công tác phòng, chống tham nhũng:

a) Các tổ chức chính trị- xã hội, xã hội- nghề nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, cơ quan truyền thông tham gia thực hiện các hoạt động phòng, chống tham nhũng.

b) Mức độ tiếp cận của người dân đối với thông tin về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng.

c) Tỷ lệ cá nhân được khen thưởng do có thành tích trong phát hiện hành vi tham nhũng.

Điều 10. Tiêu chí đánh giá về kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

1. Tiêu chí đánh giá kết quả phát hiện tham nhũng:

a) Tỷ lệ các vụ việc tham nhũng được phát hiện qua tự kiểm tra nội bộ.

b) Tỷ lệ các vụ việc tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra.

c) Tỷ lệ các vụ việc tham nhũng được phát hiện qua hoạt động kiểm tra.

d) Tỷ lệ các vụ việc tham nhũng được phát hiện qua hoạt động giám sát.

đ) Tỷ lệ các vụ việc tham nhũng được phát hiện qua hoạt động kiểm toán.

e) Tỷ lệ các vụ việc tham nhũng được phát hiện qua giải quyết tố cáo.

g) Tỷ lệ các vụ việc tham nhũng được phát hiện qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

2. Tiêu chí đánh giá kết quả xử lý tham nhũng:

a) Tỷ lệ đối tượng tham nhũng bị xử lý hình sự.

b) Tỷ lệ các đối tượng tham nhũng bị xử lý hành chính.

c) Tỷ lệ thu hồi về tiền và tài sản trong lĩnh vực thanh tra.

d) Tỷ lệ thu hồi về tiền và tài sản trong lĩnh vực kiểm toán.

đ) Tỷ lệ thu hồi về tiền và tài sản trong các vụ án tham nhũng.

Điều 11. Tiêu chí đánh giá tác động của công tác phòng, chống tham nhũng đối với niềm tin của nhân dân và tình hình tham nhũng

a) Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức về hiệu quả phòng, chống tham nhũng.

b) Mức độ tin tưởng của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức đối với việc thực hiện mục tiêu ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng.

c) Mức độ chuyển biến của tình hình tham nhũng.

Điều 12. Phương pháp đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

1. Tiến hành thu thập thông tin, dữ liệu định kỳ theo các tiêu chí đánh giá.

2. Tổng hợp, phân loại, chuẩn hóa thông tin, dữ liệu.

3. Phân tích, đánh giá những tiến triển đã đạt được trong công tác phòng, chống tham nhũng thông qua so sánh giữa các tiêu chí của năm hiện tại với năm trước đó và tham chiếu các nội dung có liên quan theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 của Thông tư này.

Điều 13. Trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin phục vụ việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng ở cấp độ quốc gia

1. Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan tiến hành thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ cho việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng hàng năm.

2. Thanh tra Chính phủ chủ trì phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền phân tích thông tin, dữ liệu, đề xuất với Chính phủ về nội dung đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng hàng năm và công bố công khai đánh giá của Chính phủ về công tác phòng, chống tham nhũng hàng năm.

Chương 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ

1. Xây dựng, triển khai kế hoạch chi tiết để tiến hành nhận định về tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng trên phạm vi toàn quốc.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan hữu quan tổ chức khảo sát, điều tra xã hội học và các hoạt động nghiên cứu khác nhằm thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ cho việc nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.

3. Xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ việc nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.

Điều 15. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

Các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ việc nhận định tình hình tham nhũng, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng; phối hợp với Thanh tra Chính phủ trong việc tiến hành các khảo sát,

phân tích, nhận định về tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.

Điều 16. Nguồn kinh phí phục vụ việc nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

Kinh phí phục vụ việc nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng lấy từ nguồn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn tài trợ, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan liên quan phản ánh về Thanh tra Chính phủ để được hướng dẫn hoặc xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cổng TTĐT của TTCP; Công báo;
- Các cục, vụ, đơn vị thuộc TTCP;
- Lưu: Văn thư, Cục CTN (5b).

**KT.TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



Trần Đức Lượng



PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG VỀ THỰC TRẠNG THAM NHŨNG

*(Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11 /2011/TT-TTCTP
ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thanh tra Chính phủ)*

1. Phương pháp tính chỉ số đo lường thực trạng tham nhũng

a) Chỉ số qui mô tham nhũng (I_{QM}) được đo lường từ 4 chỉ số:

- Chỉ số nhận thức của công chúng về mức độ phổ biến của tham nhũng (I_{NT}),
- Chỉ số thiệt hại về kinh tế đối với ngân sách nhà nước (I_{NS})
- Chỉ số thiệt hại về kinh tế đối với doanh nghiệp (I_{DN})
- Chỉ số thiệt hại về kinh tế đối với người dân. (I_{GD})

b) Chỉ số tính chất tham nhũng (I_{TC}) được tính toán từ kết quả đo lường theo các nhóm tiêu chí cụ thể, trong đó bao gồm các tiêu chí định tính (sẽ thu thập thông tin bằng phương pháp điều tra xã hội học) và các tiêu chí định lượng (sẽ thu thập bằng các phương pháp thông dụng: báo cáo của các đơn vị liên quan, rà soát văn bản, ...).

c) Phương pháp tính:

Các chỉ số được tính điểm (lượng hóa) theo trình tự như sau:

Bước 1: Thu thập thông tin về các tiêu chí

Dữ liệu được thu thập từ năm khởi đầu (gọi là năm t_0) làm dữ liệu cơ sở. Các chỉ số đo lường qui mô và tính chất tham nhũng được tính từ năm t_1 (sau năm t_0) trở đi.

- *Đối với các tiêu chí định lượng:* tổng hợp kết quả từ các báo cáo của các cơ quan có trách nhiệm, từ đó tính toán các giá trị của tiêu chí theo công thức được qui định cho từng tiêu chí.

- *Đối với các chỉ số định tính:* tổng hợp thông tin từ kết quả điều tra, xử lý kết quả điều tra theo phương pháp thang điểm BARS (Behavior Accomodated Rating System). Theo phương pháp này, các câu hỏi điều tra được thiết kế để thu thập thông tin về các biểu hiện của tình hình tham nhũng, sau đó sử dụng khung phân tích (Bảng BARS) để tổng hợp và đánh giá mức độ theo các biểu hiện đã ghi nhận được qua kết quả điều tra.

Bảng BARS

Tên tiêu chí	Mức độ (điểm)				
	1	2	3	4	5
Tiêu chí 1	- Biểu hiện 1 - Biểu hiện 2 - ...	- Như (1) và - Biểu hiện 3 - Biểu hiện 4 ...	- Như (2) và - Biểu hiện 5 - Biểu hiện 6	- Như (3) và - Biểu hiện 7 - Biểu hiện 8	- Như (4) và - Biểu hiện 9 - Biểu hiện 10

Ghi chú: Với mỗi tiêu chí định tính, sẽ xây dựng các câu hỏi điều tra nhằm thu thập các thông tin định tính về các biểu hiện khác nhau của thực trạng tham nhũng tương ứng với các mức độ (những biểu hiện này được xác định trước khi thiết kế phiếu điều tra). Sau khi có kết quả điều tra, chuyên gia sẽ căn cứ vào các câu trả lời theo phiếu điều tra để tổng hợp vào bảng BARS, và trên cơ sở đó đánh giá mức độ đạt được (tương ứng với số điểm) cho từng chỉ số. Kết quả xử lý thông tin điều tra sẽ là số điểm (thể hiện mức độ) theo từng tiêu chí.

Cách thức thu thập thông tin và xử lý thông tin điều tra được minh họa cụ thể trong Ví dụ ở mục 2 của Phụ lục này.

Bước 2: Tính toán các chỉ số thành phần

Phương án tính toán chỉ số thành phần cho năm T_1 như sau:

- Tính toán điểm số tiến triển của các tiêu chí (V_i) đo lường qui mô và tính chất tham nhũng. Điểm số tiến triển của các tiêu chí được tính theo công thức (1) dưới đây.

$$V_{ij} = 1 + \frac{(X_{ij} - X_{i0})}{X_{i0}} \quad (1)$$

Trong đó: V_{ij} là giá trị theo dõi của tiêu chí i ở năm j
 X_{ij} là giá trị thực tế của tiêu chí i đã đo lường được ở năm t_j
 X_{i0} là giá trị của tiêu chí i đã quan sát được ở năm t_0

- Tính chỉ số tiến triển thành phần đo lường qui mô tham nhũng I_k (I_{NT} , I_{NS} , I_{DN} , I_{GD}). Chỉ số tiến triển thành phần của Qui mô tham nhũng được tính theo công thức (2) dưới đây.

$$I_{kj} = \sum_{i=1}^n q_i \cdot V_{ij} \quad (2)$$

Trong đó: I_{kj} là chỉ số thành phần đo lường qui mô tham nhũng năm j
 q_i : trọng số của tiêu chí i
 V_{ij} là giá trị theo dõi của tiêu chí i ở năm j

- Tính Chỉ số tiến triển về Quy mô (I_{QM}) và Tính chất (I_{TC}) tham nhũng:

Chỉ số tiến triển về Tính chất của các hành vi tham nhũng (I_{TC}) được tính trực tiếp từ các tiêu chí theo công thức (3).

$$I_{TCj} = \sum_{i=1}^n q_i \cdot V_{ij} \quad (3)$$

Trong đó: I_{TC} là chỉ số đo lường tính chất của các hành vi tham nhũng năm j

q_i : trọng số của tiêu chí i

V_{ij} là giá trị theo dõi của tiêu chí i ở năm j

- Chỉ số tiến triển về Quy mô tham nhũng (I_{QM}) được tính từ các chỉ số thành phần (I_k) như công thức (4) dưới đây.

$$I_{QMj} = \sum_{k=1}^n q_k \cdot I_{kj} \quad (4)$$

Trong đó: I_{QMj} : là chỉ số đo lường quy mô tham nhũng năm j

q_k : trọng số của chỉ số thành phần I_k

I_{kj} : là giá trị của chỉ số thành phần k ở năm j

Ví dụ: Tính toán các chỉ số đo lường tham nhũng

Bảng dưới đây đưa ra các con số giả định theo bộ tiêu chí hiện tại.

STT	Tiêu chí	T_0	T_1	Chỉ số tiến triển thành phần
1	Chỉ số đo lường quy mô tham nhũng			
1.1	Chỉ số nhận thức của công chúng về mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng	3	3.5	1.17
1.2	Chỉ số thiệt hại về kinh tế do tham nhũng gây ra đối với ngân sách nhà nước.	1% GDP	1.1%	1.10
1.3	Chỉ số chi phí không chính thức của doanh nghiệp trong giao dịch giữa doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước	1% doanh thu	0.9%	0.90
1.4	Chỉ số chi phí không chính thức của người dân trong giao dịch với các cơ quan nhà nước.	2% thu nhập	1.5%	0.75
	Chỉ số quy mô tham nhũng.			0.98
2	Chỉ số tính chất của các hành vi tham nhũng			
2.1	Tỷ lệ tội phạm tham nhũng nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng trong tổng số tội phạm tham nhũng đã bị phát hiện và xử lý.	10%	9%	0.90

STT	Tiêu chí	T_0	T_1	Chỉ số tiến triển thành phần
....	...	...	...	...
2.3	Tỷ lệ tương quan giữa số tội phạm tham nhũng với số vụ án tham nhũng	1	1,3	1.30
2.4	Tỷ lệ các vụ án tham nhũng có tổ chức có yếu tố nước ngoài	5%	9%	1.80
2.5	Tỷ lệ các vụ án tham nhũng có liên quan các tội phạm khác.	20%	15%	0.75
...	...	...	...	...
	Chỉ số tính chất tham nhũng.			1.19

- Kết quả đạt được sẽ là số điểm, chẳng hạn $I_{QM1} = 0.98$ có nghĩa là quy mô tham nhũng có giảm đôi chút so với T_0 ;

- Kết quả $I_{TC1} = 1.19$ có nghĩa là tính chất (nghiêm trọng) tham nhũng tăng hơn tới 19% so với T_0).

- Ghi chú: Trong ví dụ này, giả định trọng số của các chỉ số thành phần là bằng nhau. Trên thực tế, để tính toán các chỉ số qui mô và tính chất tham nhũng, cần xác định trọng số khác nhau cho mỗi thành phần, thể hiện mức độ ảnh hưởng khác nhau của các chỉ số thành phần đến qui mô và tính chất tham nhũng. Các trọng số này sẽ được xác định bằng phương pháp chuyên gia sau khi đã có khảo sát ban đầu về thực trạng tình hình tham nhũng theo các tiêu chí nêu trên.

2. Công cụ thu thập thông tin về các tiêu chí

Để đảm bảo cung cấp những thông tin chính xác, kịp thời về tình hình thực trạng tham nhũng và công tác phòng, chống tham nhũng, phải sử dụng kết hợp nhiều “kênh” thông tin, thu thập bằng các công cụ khác nhau, bao gồm:

a) Hệ thống thông tin, báo cáo về thực trạng tham nhũng và phòng, chống tham nhũng (Hệ thống dữ liệu chung về phòng, chống tham nhũng);

b) Kết quả khảo sát, điều tra xã hội học về chi phí không chính thức hoặc nhận thức của chuyên gia, của công chúng về thực trạng tham nhũng và phòng, chống tham nhũng (được tiến hành định kỳ theo yêu cầu về đo lường thực trạng tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng).

Ví dụ: Thu thập và xử lý thông tin định tính bằng phương pháp điều tra (Tiêu chí: Nhận thức của công chúng về mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng)

Bảng BARS (chuẩn)

Tên tiêu chí	Mức độ (điểm)				
	1	2	3	4	5
Nhận thức của công chúng về mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng	- Không thấy có biểu hiện của hành vi tham nhũng (chưa nghe nói, đến tham nhũng)	Biết là có biểu hiện của tham nhũng (nhưng chưa được chứng kiến)	Có hiện tượng tham nhũng (đã được chứng kiến, đã từng là nạn nhân)	Có hiện tượng tham nhũng ở một số ngành, địa phương (đã được chứng kiến, đã từng là nạn nhân)	Tham nhũng tràn lan, ở tất cả các ngành, các cấp (đã được chứng kiến, đã từng là nạn nhân)

Bảng BARS (kết quả điều tra)

Tên tiêu chí	Mức độ (điểm)				
	1	2	3	4	5
Nhận thức của công chúng về mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng			Đã được chứng kiến hành vi tham nhũng (không có ví dụ cụ thể trong trường hợp nào)	Đã từng là nạn nhân của hành vi tham nhũng của cán bộ cấp tỉnh (khi xin cấp phép xây dựng)	

Kết quả xử lý kết thông tin điều tra : Nhận thức của công chúng về mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng : 3,5 (điểm)./.